

Số **543** /MĐC-KT&ĐBCLGD

V/v kế hoạch khảo thí học kỳ I,
năm học 2017 - 2018 hệ chính quy

Hà Nội, ngày **01** tháng **9** năm 2017

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên.

Trong học kỳ I, năm học 2017 - 2018, Nhà trường tổ chức khảo thí đối với các học phần đã đăng ký khảo thí hệ đại học, liên thông và cao đẳng chính quy tại Hà Nội, và các địa điểm liên kết.

Danh sách các học phần khảo thí và Kế hoạch tổ chức khảo thí tại các địa điểm được tổng kết trong các bảng gửi kèm.

Các Bộ môn cập nhật và hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu (CSDL) ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án, bảng tổng hợp CSDL và bảng cấu trúc đề thi cho tất cả các học phần mới và học phần có chỉnh sửa.

Các Khoa tập hợp và gửi các tài liệu này về địa chỉ email: khaothi@humg.edu.vn; gửi bản cứng Bảng tổng hợp CSDL và Bảng cấu trúc đề thi kết thúc học phần (có đầy đủ chữ kí) về phòng KT&ĐBCLGD trước ngày 12/9/2017.

Công tác chuẩn bị CSDL ngân hàng câu hỏi và tổ chức thi được thực hiện theo các Quyết định số 84/MĐC-KT&ĐBCLGD ngày 17/12/2016 và số 2070/QĐ-MĐC ngày 18/11/2016. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, xin trao đổi với TS. Lê Hồng Anh, số điện thoại: 0985016888.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Ban chủ nhiệm các Bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý để thực hiện./. *xe*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- BGH (để chỉ đạo thực hiện);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLGD₍₀₂₎.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

CÁC HỌC PHẦN KHẢO THÍ HỆ CHÍNH QUY HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

(Kèm theo thông báo số **543** /MĐC-KT&ĐBCLGD ngày **01** tháng **9** năm 2017)

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
1	Phú Yên	1	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	TL	16
		2	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	TN	18
	Uông bí	1	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	TL	20
	Vũng Tàu	1	4010101	Đại số	TL	37
		2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	TN+TL	55
		3	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	TL	64
		4	4010401	Hình học họa hình	TL	30
		5	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	TL	25
		6	4010501	Cơ học lý thuyết 1	TL	57
		7	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	TL	37
		8	4020103	Pháp luật đại cương	TL	37
		9	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	TL	80
		10	4030205	Điều khiển áp lực mỏ	TL	29
		11	4030504	Sức bền vật liệu B	TL	41
		12	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	TL	40
		13	4040519	Địa chất công trình	TL	19
		14	4060142	Địa vật lý đại cương	TL	62
		15	4060218	Địa chất dầu khí	TN+TL	40
		16	4060308	Kỹ thuật phản ứng	TL	68
		17	4060311	Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học	TL	64
		18	4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	TL	68
		19	4060321	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	TL	64
		20	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	TL	45
		21	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	TL	55
		22	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan	TL	55
		23	4060426	Khoan thăm dò - khảo sát	TL	61
		24	4060438	Công nghệ khoan dầu khí 1	TL	61
		25	4090121	Máy điện	TL	48
		26	4090126	Cơ sở cung cấp điện	TL	31
		27	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	TL	49
		28	4090209	Điều khiển số	TL	49
		29	4090210	Các hệ thống rời rạc	TL	48
		30	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	TL	48
		31	4090227	Điện tử công suất + BTL	TL	48
		32	4090539	Máy thủy khí	TL	18
		33	4090547	Máy khai thác và máy vận tải	TL	18
	Hà Nội	1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	TL	154
		2	4000002	Tâm lý học đại cương	TL	156
		3	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	TL	204
		4	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	TL	161
		5	4010103	Giải tích 2	TL	60
		6	4010104	Xác suất thống kê	TL	65
		7	4010105	Xác suất thống kê	TL	362
		8	4010106	Phương pháp tính	TL	307
		9	4010109	Logic đại cương	TL	122
		10	4010110	Toán tối ưu	TL	125
		11	4010111	Toán rời rạc	TL	123
		12	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	TN+TL	71
		13	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	TN+TL	830
		14	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	TN	61
		15	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	TL	60
		16	4010401	Hình học họa hình	TL	310
		17	4010402	Vẽ kỹ thuật	TL	60
		18	4010403	Autocad + TH	THTM	243
		19	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	TL	562
		20	4010501	Cơ học lý thuyết 1	TL	708
		21	4010504	Cơ học ứng dụng	TL	61

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
		22	4010603	Tiếng Anh 3	TN+TL	47
		23	4010613	Tiếng Anh 1	TN+N	545
		24	4010614	Tiếng Anh 2	TN+N	1778
		25	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	TL	362
		26	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	TL	64
		27	4020103	Pháp luật đại cương	TL	359
		28	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TL	1117
		29	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	TL	953
		30	4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	TL	70
		31	4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	TL	71
		32	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	TN	200
		33	4030118	Cơ sở khai thác mỏ	TN	35
		34	4030205	Điều khiển áp lực mỏ	TL	182
		35	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	TL	66
		36	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	TL	102
		37	4030417	Luyện kim	TN	40
		38	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	TN	203
		39	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	TL	172
		40	4030504	Sức bền vật liệu B	TL	131
		41	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	TL	257
		42	4030514	Cơ học môi trường liên tục	TL	35
		43	4030515	Động lực học công trình	TL	65
		44	4040101	Địa chất đại cương	TN+TL	120
		45	4040102	Địa chất cơ sở	TN+TL	100
		46	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	TL	70
		47	4040110	Địa mạo cảnh quan	TN+TL	61
		48	4040111	Địa chất môi trường	TN+TL	63
		49	4040207	Địa chất mỏ	TL	130
		50	4040305	Thạch học 2	TN+TL	49
		51	4040313	Tinh thể học - khoáng vật học đại cương	TL	112
		52	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	TL	90
		53	4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	TL	61
		54	4040519	Địa chất công trình	TL	132
		55	4040601	Địa chất thủy văn đại cương	TL	107
		56	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	TL	144
		57	4040617	Địa chất thủy văn	TL	143
		58	4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	TL	43
		59	4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	TL	20
		60	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	TL	61
		61	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	TL	60
		62	4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	TL	50
		63	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mỏ- công	TL	58
		64	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	TN	132
		65	4050306	Công nghệ đo ảnh + ĐA	TN+TL	38
		66	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	TL	121
		67	4050509	Kỹ thuật môi trường	TL	309
		68	4050526	Trắc địa đại cương	TL	60
		69	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	TN	61
		70	4050702	Địa lý tự nhiên	TN	22
		71	4050703	Địa lý kinh tế xã hội	TN	59
		72	4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	TL	45
		73	4060117	Thăm dò địa chấn	TL	49
		74	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	TN	85
		75	4060203	Địa chất dầu khí 1	TN+TL	49
		76	4060206	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	TL	122
		77	4060217	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	TN+TL	60
		78	4060218	Địa chất dầu khí	TN+TL	102
		79	4060302	Hoá hữu cơ 1	TL	103
		80	4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	TL	46
		81	4060308	Kỹ thuật phản ứng	TL	58
		82	4060311	Kỹ thuật môi trường trong công nghệ hóa học	TL	111

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
		83	4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	TL	132
		84	4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	TL	70
		85	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	TL	60
		86	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	TL	136
		87	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	TL	120
		88	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	TL	57
		89	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	TL	140
		90	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	TL	29
		91	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	TL	60
		92	4060426	Khoan thăm dò - khảo sát	TL	60
		93	4060438	Công nghệ khoan dầu khí 1	TL	59
		94	4060440	Công nghệ khai thác dầu khí 1	TL	60
		95	4070101	Kinh tế vi mô	TN	252
		96	4070102	Kinh tế vĩ mô	TN	244
		97	4070103	Kinh tế lượng	TL	402
		98	4070111	Tin học ứng dụng trong kinh tế	TN	34
		99	4070202	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp	TN+TL	60
		100	4070303	Kinh tế công nghiệp	TL	60
		101	4070307	Quản trị dự án đầu tư	TL	136
		102	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	TL	242
		103	4070314	Quản trị thương mại	TL	127
		104	4070401	Nguyên lý kế toán	TL	60
		105	4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	TL	60
		106	4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	TL	40
		107	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	TN	120
		108	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	THTM	30
		109	4080110	Mã nguồn mở	TN+TL	69
		110	4080203	Cơ sở lập trình	THTM	176
		111	4080206	Cơ sở dữ liệu	TN+TL	121
		112	4080316	Tin học đại cương ứng dụng	TN	13
		113	4080408	Anh văn chuyên ngành tin địa chất	TN+TL	21
		114	4080504	Phát triển phần mềm ứng dụng trong mỏ + BTL	TL	24
		115	4080707	Lập trình mạng	TL	37
		116	4080709	Kiến trúc máy tính	TN	120
		117	4090107	An toàn điện	TL	180
		118	4090115	Tin học chuyên ngành điện khí hóa	THTM	42
		119	4090121	Máy điện	TL	60
		120	4090126	Cơ sở cung cấp điện	TL	227
		121	4090152	Vận hành hệ thống điện	TL	64
		122	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	TL	106
		123	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	TL	60
		124	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	TL	83
		125	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	TL	39
		126	4090208	Điều khiển mở và mạng nơron	TL	62
		127	4090209	Điều khiển số	TL	61
		128	4090210	Các hệ thống rời rạc	TL	60
		129	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	TL	60
		130	4090213	Điện tử công suất	TL	60
		131	4090214	Cơ sở truyền động điện	TL	117
		132	4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	TL	60
		133	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	TL	65
		134	4090223	Robot công nghiệp	TL	63
		135	4090224	Phương pháp lập trình CNC	TL	62
		136	4090226	Chuyên đề 1+2	TL	61
		137	4090227	Điện tử công suất + BTL	TL	90
		138	4090255	Truyền động điện	TL	23
		139	4090301	Kỹ thuật điện +TN	TN	224
		140	4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	TN	143
		141	4090401	Nguyên lý máy + BTL	TL	102
		142	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	TN	153
		143	4090406	Cơ sở thiết kế máy	TL	37

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
		144	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	TL	31
		145	4090413	Thủy lực cơ sở B	TL	75
		146	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	TL	347
		147	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	TL	122
		148	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	TL	89
		149	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	TL	72
		150	4090547	Máy khai thác và máy vận tải	TL	139
		151	4090572	Máy vận tải	TL	43
		152	4100115	Phương pháp tính toán kết cấu chống giữ công trình ngà	TL	30
		153	4100150	Xây dựng công trình ngầm dân dụng và công nghiệp	TL	60
		154	4100203	Môi trường trong xây dựng	TL	121
		155	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	TL	68
		156	4100206	Kết cấu thép	TL	130
		157	4100218	Thi công nhà nhiều tầng	TL	113
		158	4100220	Xây dựng trong điều kiện đặc biệt	TL	62
		159	4100227	Thông gió và chiếu sáng	TN	62
		160	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	TL	69
		161	4110105	Quá trình chuyển khối trong công nghệ môi trường	TL	69
		162	4110106	Sinh thái học môi trường	TN	48
		163	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	TL	24
164	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	TL	299		
165	4110209	Quản lý môi trường	TL	132		
166	4110226	Quản lý tổng hợp lưu vực sông và đới bờ	TL	60		
167	4110236	Môi trường và con người	TL	308		
168	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh	TL	61		
Tổng Đợt 1						24999
2	Uông bí	1	4100218	Thi công nhà nhiều tầng	TL	20
		2	4100220	Xây dựng trong điều kiện đặc biệt	TL	20
		3	4100226	Giám sát thi công	TL	22
	Vũng Tàu	1	4010102	Giải tích 1	TL	37
		2	4010105	Xác suất thống kê	TL	27
		3	4010109	Logic đại cương	TL	51
		4	4010110	Toán tối ưu	TL	41
		5	4010306	Hóa phân tích phần 2	TL	64
		6	4010403	Autocad + TH	THTM	162
		7	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TL	55
		8	4040617	Địa chất thủy văn	TL	18
		9	4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	TL	18
		10	4050522	Thực tập trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	VĐ	18
		11	4060206	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	TL	61
		12	4060302	Hoá hữu cơ 1	TL	64
		13	4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	TL	65
		14	4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	TL	68
		15	4060315	Hóa học dầu mỏ và khí tự nhiên	TL	68
		16	4060325	Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu	TL	45
		17	4060326	Xúc tác trong công nghệ lọc dầu	TL	68
		18	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	TL	70
		19	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	TL	61
		20	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	TL	45
		21	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	TL	55
		22	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	TL	68
		23	4060423	Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật	TL	55
		24	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	TN+TL	37
		25	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	TL	49
		26	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	TL	48
		27	4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	TL	48
		28	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	TL	48
		29	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	TN	30
		30	4090413	Thủy lực cơ sở B	TL	18
		31	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	TL	25
		32	4090421	Nguyên lý máy	TL	40

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
	Hà Nội	33	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	TL	40
		34	4110236	Môi trường và con người	TL	60
		1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	TL	205
		2	4000002	Tâm lý học đại cương	TL	153
		3	4000003	Tiếng Việt thực hành	TL	202
		4	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	TL	161
		5	4010101	Đại số	TL	1277
		6	4010102	Giải tích 1	TL	1225
		7	4010105	Xác suất thống kê	TL	362
		8	4010106	Phương pháp tính	TL	154
		9	4010110	Toán tối ưu	TL	121
		10	4010113	Toán cao cấp 1	TL	361
		11	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	TN+TL	1084
		12	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	TN	810
		13	4010302	Hóa học đại cương phần 2	TL	103
		14	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	TL	141
		15	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	TL	118
		16	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	TL	200
		17	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	TL	106
		18	4010309	Hoá hữu cơ phần 1	TL	44
		19	4010401	Hình học họa hình	TL	275
		20	4010402	Vẽ kỹ thuật	TL	120
		21	4010403	Autocad + TH	THTM	246
		22	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	TL	278
		23	4010501	Cơ học lý thuyết 1	TL	466
		24	4010504	Cơ học ứng dụng	TL	182
		25	4010613	Tiếng Anh 1	TN+N	545
		26	4010614	Tiếng Anh 2	TN+N	1528
		27	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	TL	1279
		28	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	TL	361
		29	4020103	Pháp luật đại cương	TL	1014
		30	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TL	580
		31	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	TL	652
		32	4030107	Ổn định bờ mỏ và sườn dốc	TL	71
		33	4030108	An toàn và vệ sinh lao động trong khai thác lộ thiên	TL	70
		34	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	TN	81
		35	4030205	Điều khiển áp lực mỏ	TL	21
		36	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	TL	253
		37	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	TL	87
		38	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	TN	141
		39	4030501	Sức bền vật liệu 1 + BTL1 +TN	TL	39
		40	4030504	Sức bền vật liệu B	TL	54
		41	4030514	Cơ học môi trường liên tục	TL	114
		42	4030515	Động lực học công trình	TL	177
		43	4040101	Địa chất đại cương	TN+TL	140
		44	4040102	Địa chất cơ sở	TN+TL	121
		45	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ địa chất	TL	122
		46	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	TL	60
		47	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	TL	90
		48	4040206	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)	TL	29
		49	4040207	Địa chất mỏ	TL	25
		50	4040310	Địa hoá	TL	60
		51	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	TL	65
		52	4040516	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất công trình - địa kỹ thuật	TL	46
		53	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	TL	170
		54	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	TL	49
		55	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mỏ- công	TL	42
		56	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	TL	158
		57	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	TL	111
		58	4050409	Thành lập bản đồ số địa hình tỷ lệ lớn ứng dụng công nghệ	TL	40
		59	4050411	Thực tập Trắc địa cơ sở 1	VĐ	85

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
		60	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2	VĐ	87
		61	4050413	Thực tập bản đồ số địa hình	VĐ	40
		62	4050517	Công nghệ viễn thám nghiên cứu tài nguyên môi trường	VĐ	24
		63	4050521	Trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	TL	128
		64	4050522	Thực tập trắc địa phổ thông và trắc địa mỏ	VĐ	122
		65	4050526	Trắc địa đại cương	TL	237
		66	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	THTM	145
		67	4050616	Quản lý bất động sản	VĐ	69
		68	4060142	Địa vật lý đại cương	TL	250
		69	4060207	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí 1	TN+TL	43
		70	4060214	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất dầu khí	TN+TL	53
		71	4060305	Các quá trình thủy lực và cơ học vật liệu rời	TL	120
		72	4060307	Quá trình và thiết bị truyền chất	TL	71
		73	4060308	Kỹ thuật phản ứng	TL	70
		74	4060317	Cơ khí và máy trong công nghệ hoá học	TL	39
		75	4060321	An toàn lao động trong công nghệ hoá học	TL	119
		76	4060324	Tin học chuyên ngành lọc hóa dầu	TL	46
		77	4060325	Thiết kế quá trình công nghệ lọc dầu	TL	18
		78	4060326	Xúc tác trong công nghệ lọc dầu	TL	39
		79	4060346	Nhiên liệu sạch	TL	28
		80	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	TL	66
		81	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	TL	120
		82	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	TL	70
		83	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	TL	60
		84	4060417	Tin học ứng dụng chuyên ngành	TL	105
		85	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong khoan	TL	60
		86	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	TL	65
		87	4060423	Khoan khảo sát công trình và giếng kỹ thuật	TL	61
		88	4060428	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	TL	60
		89	4060436	Kỹ thuật khoan	TL	129
		90	4060501	Kỹ thuật ma sát	TL	43
		91	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	TL	40
		92	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	TL	33
		93	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	TL	43
		94	4070101	Kinh tế vi mô	TN	125
		95	4070102	Kinh tế vĩ mô	TN	380
		96	4070103	Kinh tế lượng	TL	200
		97	4070204	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp nhỏ	TN+TL	35
		98	4070205	Marketing căn bản	TN+TL	63
		99	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	TN+TL	61
		100	4070216	Quản trị học	TN+TL	61
		101	4070303	Kinh tế công nghiệp	TL	48
		102	4070307	Quản trị dự án đầu tư	TL	54
		103	4070309	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh	TL	27
		104	4070314	Quản trị thương mại	TL	111
		105	4070331	Quản trị dự án đầu tư	TL	60
		106	4070401	Nguyên lý kế toán	TL	140
		107	4070414	Thị trường chứng khoán	TN+TL	62
		108	4070422	Kế toán xây dựng cơ bản	TL	28
		109	4070423	Kế toán thương mại dịch vụ	TL	59
		110	4080101	Nguyên lý Hệ điều hành + BTL	TN	205
		111	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	TN+TL	1286
		112	4080202	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)	TN+TL	363
		113	4080203	Cơ sở lập trình	THTM	298
		114	4080217	Tin học B + TH (khối kinh tế)	TN+TL	55
		115	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	TNKG	61
		116	4080314	Đo ảnh 1	VĐ	31
		117	4080402	Thuật toán trong tin địa chất	TN+TL	24
		118	4080621	Thương mại điện tử	TN+TL	79
		119	4080703	Tiếng Anh chuyên ngành mạng	TN+TL	64
		120	4080709	Kiến trúc máy tính	TN	344

Đợt thi	Đ.điểm	TT	Mã HP	Tên học phần	Hình thức	Số SV
		121	4090107	An toàn điện	TL	60
		122	4090121	Máy điện	TL	60
		123	4090126	Cơ sở cung cấp điện	TL	103
		124	4090202	Lý thuyết điều khiển tự động + BTL	TL	109
		125	4090203	Lý thuyết điều khiển tự động nâng cao	TL	57
		126	4090205	Hệ vi xử lý và máy tính + BTL	TL	62
		127	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	TL	60
		128	4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	TL	51
		129	4090209	Điều khiển số	TL	59
		130	4090210	Các hệ thống rời rạc	TL	60
		131	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	TL	31
		132	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	TL	55
		133	4090213	Điện tử công suất	TL	108
		134	4090214	Cơ sở truyền động điện	TL	84
		135	4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	TL	60
		136	4090220	Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA	TL	17
		137	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành tự động hóa	TL	56
		138	4090223	Robot công nghiệp	TL	60
		139	4090224	Phương pháp lập trình CNC	TL	136
		140	4090226	Chuyên đề 1+2	TL	60
		141	4090227	Điện tử công suất + BTL	TL	56
		142	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	TN	34
		143	4090308	Cơ sở lý thuyết trường điện từ	TN	100
		144	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	TN	46
		145	4090406	Cơ sở thiết kế máy	TL	81
		146	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	TL	59
		147	4090413	Thủy lực cơ sở B	TL	383
		148	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	TL	60
		149	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	TL	124
		150	4090421	Nguyên lý máy	TL	109
		151	4090539	Máy thủy khí	TL	134
		152	4090574	Máy và thiết bị khai thác mỏ	TL	43
		153	4100101	Các phương pháp số	TL	120
		154	4100105	Cơ sở thiết kế quy hoạch cấu tạo hệ thống công trình ng	TL	48
		155	4100203	Môi trường trong xây dựng	TL	76
		156	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	TL	160
		157	4100206	Kết cấu thép	TL	47
		158	4100220	Xây dựng trong điều kiện đặc biệt	TL	52
		159	4100221	Tin học ứng dụng trong xây dựng	THTM	60
		160	4100226	Giám sát thi công	TL	61
		161	4100303	Quy hoạch giao thông và thiết kế đường	TL	43
		162	4100311	Thiết kế đường sân bay	TL	42
		163	4110110	Điều tra địa chất môi trường và tai biến địa chất	TL	119
		164	4110112	Phương pháp lấy và phân tích mẫu môi trường	TL	71
		165	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	TL	142
		166	4110208	Kiểm soát chất thải nguy hại	TN+TL	61
		167	4110209	Quản lý môi trường	TL	108
		168	4110220	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	TL	45
		169	4110236	Môi trường và con người	TL	511
		170	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu môi trường	TL	118
Tổng Đợt 2						30151